

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2021

V/v: “Ly hôn, chia tài sản
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nghiên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Minh Tòng;

Bà: Thái Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021; Về việc: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh C sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh: Huỳnh Bảo C, sinh năm 1981;

Nơi ĐKNKTT: thôn H, thị trấn A, huyện An Lão, Bình Định.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị: Huỳnh Thị Thảo N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Huỳnh C, trình bày:

- Về hôn nhân: Ông C và bà T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 1981, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, không đưa dâu và không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm ông C trước bạn bè. Đỉnh điểm là vào ngày 09/3/2021, hai vợ chồng đang cãi nhau thì bà T dùng cán rựa đánh ông C gãy răng, nên Công an xã phải đến giải quyết, ông C và bà T đã sống ly thân và ăn riêng từ thời điểm đó đến nay.

Từ nội dung trên, ông C nhận thấy tình cảm của ông và bà T không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ chồng. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung, tên Huỳnh Bảo C, sinh năm 1981, Huỳnh Thị Thảo N sinh năm 1984, Huỳnh Thị Bảo L, sinh năm 1986 (chết năm 2005). Hiện nay con tên C và tên N đã có gia đình và sống ở riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2021, ông C và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại bản khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2021, ông C có ý kiến giao ngôi nhà xây cấp 4 và diện tích đất tọa lạc tại thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định giao cho bà T sử dụng. Số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện An Lão 200.000.000 đồng, mỗi người 100.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2021, ông C yêu cầu được sử dụng toàn bộ đất vườn, giao cho bà T ngôi nhà và diện tích thổ cư là 300m². Tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2021, ông C và bà T đã thỏa thuận phân chia tài sản là đất và căn nhà xây cấp 4 đứng trên 300m² đất thổ cư và 715m² đất trồng cây hàng năm đất tại thửa đất số 834, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn Long H, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định, hai bên thống nhất chia mỗi người được sử dụng ½ diện tích đất thổ cư và ½ diện tích đất trồng cây hàng năm. Đối với căn nhà, vật kiến trúc và công trình phụ thì giao cho bà T sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông C chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T. Về tài sản chung là nhà, vật kiến trúc, công trình phụ, đất và khoản tiền gửi tiết kiệm

ông C, bà T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và khoản tiền gửi tiết kiệm, hai vợ chồng tự định đoạt phân chia khối tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2021, biên bản hòa giải, bị đơn, bà Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981, sau khi bà T mang thai cháu C thì hai bên gia đình mới tổ chức lễ cưới nhưng không đưa dâu vì bà T có thai, gia đình ông C nghèo và không đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, hạnh phúc được khoảng gần 40 năm, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C có quan hệ với người phụ nữ khác, hai bên có cãi nhau, đánh nhau. Hai vợ chồng cùng ở chung nhà nhưng ăn riêng và ly thân từ đó đến nay, tình nghĩa vợ chồng không còn nữa, bà T đồng ý ly hôn với ông C.

- Về nuôi con chung: Ông C, bà T cùng khai, vợ chồng có 03 con chung, tên Huỳnh Bảo C, sinh năm 1981, Huỳnh Thị Thảo N, sinh năm 1984, Huỳnh Thị Bảo L, sinh năm 1986 (chết 2005). Hiện nay C và N đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự, có gia đình và sống ở riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: bà T yêu cầu phân chia tài sản đất và căn nhà xây cấp 4 đứng trên 300m² đất thổ cư và 715m² đất trồng cây hàng năm đất tại thửa đất số 834, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định, mỗi người được sử dụng ½ diện tích đất thổ cư và ½ diện tích đất trồng cây hàng năm. Riêng căn nhà, vật kiến trúc và công trình phụ thì giao cho bà T sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C. Đối với tài sản chung là nhà, đất và khoản tiền gửi tiết kiệm ông C, bà T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và khoản tiền gửi tiết kiệm, hai vợ chồng tự định đoạt phân chia khối tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Ý kiến của anh Huỳnh Bảo C và chị Huỳnh Thị Thảo N: anh, chị là con của ông C, bà T. Sự việc xảy ra mâu thuẫn giữa cha, mẹ của anh, chị là có thật, anh, chị cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, việc quyết định ly hôn hay không là do cha, mẹ quyết định. Đối với phần tài sản thì do cha, mẹ tự thỏa thuận, quyết định phân chia, anh, chị không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về khối tài sản chung của cha mẹ.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C và bà T xảy ra cách đây khoảng từ 04-05 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn: ông C cho rằng bà T quản lý hết tiền bạc, chửi mắng, xúc phạm, đánh ông C. Ngược lại, bà T cho rằng ông C đi làm không đưa tiền cho bà T giữ, mặc khác hai bên đều nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ bất chính với người khác giới, từ đó hai bên xảy ra cãi nhau, xô xát nhau, chính quyền địa phương đã trực tiếp khuyên giải rất nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Quan điểm của chính quyền địa phương nhận thấy việc ông C xin ly hôn với bà T là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

- Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63/BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237/BLTTDS.

- Nguyên đơn, bị đơn: Chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định Điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10. Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C và bà T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung khi ly hôn”, giữa: ông Huỳnh C với bà Lê Thị T, cùng cư trú tại: thôn L, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của BLTTDS.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Huỳnh Bảo C và chị Huỳnh Thị Thảo N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông C và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, không đưa dâu và không đăng ký kết hôn. Nhưng hai bên thực sự chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình, đến khoảng năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh ông C. Hiện hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc ai, mặc ai nấy sống, tình nghĩa vợ chồng không còn. Ông C làm đơn xin được ly hôn với bà T và được bà T đồng ý. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2010 có quy định “Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trường hợp có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Như vậy yêu cầu ly hôn của ông C là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Các con đã trên 18 tuổi, đủ năng lực hành vi dân sự, tự lập nuôi sống bản thân, các bên đương sự không yêu cầu, nên HĐXX miễn xét.

[2.3] Về chia tài sản: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản. Việc ông C, bà T rút yêu cầu chia tài sản và việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần chia tài sản đã rút là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí HNGĐ: Ông Huỳnh C phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, nhưng được trừ vào khoản tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001005 ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện An Lão (đã nộp đủ).

[4]. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông C nộp tạm ứng 4.000.000 đồng, đã chi phí hết cho Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tại phiên tòa ông C tự nguyện chịu hết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 147, khoản 5 Điều 177, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 89, 90, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 55, 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh C.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh C và bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Các con đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, tự lập nuôi sống bản thân, các bên đương sự không yêu cầu, nên HĐXX miễn xét.

3. Về chia tài sản: Việc ông C, bà T rút yêu cầu chia tài sản và việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần chia tài sản.

4. Về án phí HN&GD: Ông Huỳnh C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoản tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tà án số 0001005 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện An Lão (đã nộp đủ).

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông C tự nguyện chịu 4.000.000 đồng (đã nộp đủ)

6. Về quyền kháng cáo bản án: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Lão;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THADS huyện An Lão;
- TAND tỉnh Bình Định (Phòng KTNV);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Ngọc Nghiên